

Số: 47/2025/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 28 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 39/2025/VLĐ-ST ngày 12 tháng 03 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo **Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 23/2025/QĐST-LĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025**, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

+ ***Người yêu cầu:*** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1990; địa chỉ thường trú: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Công ty cổ phần Đ; địa chỉ: Số E đường X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Nguyễn Đức T, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương, địa chỉ: đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Anh Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 34 ngày 14/03/2025); vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai người yêu cầu chị Nguyễn Thị L trình bày:

Từ tháng 09/2008 đến tháng 01/2018 tôi có làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn H, địa chỉ: Khu công nghiệp B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương

và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7408245007. Tôi tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của tôi bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm, vào năm 2008, tôi không cho ai mượn chứng minh nhân dân của mình và cũng không biết ai sử dụng thông tin của tôi (Nguyễn Thị L) giao kết hợp đồng lao động với công ty cổ phần Đ khoảng từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010. Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên bố hợp đồng lao động giữa tôi là Nguyễn Thị L và công ty cổ phần Đ là vô hiệu. Về việc giải quyết hậu quả của việc tuyên hợp đồng lao động toàn bộ thì tôi không có yêu cầu gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty cổ phần Đ, ông Nguyễn Anh T2 trình bày:

Tất cả người lao động khi xin làm việc tại công ty phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ và phải có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại công ty. Ngoài ra công ty không thể xác định được chính xác người lao động có phải đúng nhân thân như hồ sơ hay không bởi vì hình ảnh trên chứng minh nhân dân được cấp thời gian lâu có thể không giống hoàn toàn với người lao động tại thời điểm xin việc. Khi người lao động vào làm việc thì công ty phải tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động đó theo quy định.

Tòa án yêu cầu Công ty cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan người lao động Nguyễn Thị L, tuy nhiên do hồ sơ bà L cung cấp không bao gồm sổ chứng minh nhân dân cũng như sổ sổ bảo hiểm thể hiện quá trình làm việc tại Thái Bình cho nên công ty không thể tra cứu được dữ liệu liên quan đến người lao động trên máy tính. Nay bà L cho rằng có sự việc có người sử dụng trái phép thông tin cá nhân của bà L để giả mạo thông tin và giao kết hợp đồng lao động với công ty dưới tên là Nguyễn Thị L. Theo đó, việc người khác sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà L để giao kết hợp đồng lao động với công ty cổ phần Đ là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Tuy nhiên do công ty Đ chưa xác định được người lao động tên Nguyễn Thị L có làm việc tại công ty hay không. Vì vậy, công ty không thể đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng lao động của bà Nguyễn Thị L.

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương, anh Dương Văn T1 trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của công ty cổ phần Đ cho người lao động thì công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, số căn cước công dân 044190013042, với mã số BHXH 7409150987 từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010 tại công ty cổ phần Đ chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu, bảo hiểm xã hội thành phố D phát hiện chị L còn có mã số 7408245007 từ tháng 09/2008 đến tháng 06/2014 tại công ty trách nhiệm hữu hạn H.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa chị Nguyễn Thị L và công ty cổ phần Đ, đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của chị L, bảo hiểm xã hội thành phố D không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của chị L phía bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu chị Nguyễn Thị L; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, anh T1 vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần Đ vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng, các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010, người lao động khác có lấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị L để ký kết hợp đồng lao động với công ty cổ phần Đ và được công ty T3, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409150987. Đối với chị L trong thời gian này đang thực tế làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn H. Trình bày của chị L phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 09/2008 đến tháng 06/2014 chị L có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty trách nhiệm hữu hạn H, với mã số bảo hiểm là 7408245007.

Xét thấy, việc người lao động khác lấy chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị L để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động. Do đó, việc chị L yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị L và công ty cổ phần Đ là vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005. Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Nguyễn Thị L bị trùng từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010. Do đó, chị L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa công ty cổ phần Đ với chị Nguyễn Thị L là có cơ sở chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, công ty cổ phần Đ không đồng ý với yêu cầu hủy hợp đồng lao động của chị L. Vì công ty không xác định được chị Nguyễn Thị L có làm việc tại công ty hay không. Tuy nhiên, qua dữ liệu của bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thể hiện, chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990, số căn cước công dân 044190013042 có làm việc tại công ty cổ phần Đ từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010 và được công ty tham gia bảo hiểm xã hội với mã số bảo hiểm xã hội số 7409150987 từ tháng 04/2009 đến tháng 03/2010 tại công ty cổ phần Đ chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần. Vì vậy, ý kiến của công ty cổ phần Đ là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Nguyễn Thị L.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1990 (do người lao động khác ký kết) với công ty cổ phần Đ là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0007867 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Minh Hoàng